

Số: 92/2026/QĐST-HNGĐ

Thanh Hóa, ngày 30 tháng 3 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 103/2026/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2026, giữa:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn T - sinh ngày 01/01/1982

Nơi cư trú: Tổ dân phố Quang Minh, phường Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa

Số CCCD: 038082003872

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị H - sinh ngày 22/10/1986

Nơi cư trú: Tổ dân phố Quang Minh, phường Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa

Số CCCD: 038186032129

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 và khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 3 năm 2026,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 3 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Hôn nhân:** Anh T và chị H đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên thống nhất ly hôn.

- **Con chung:** Anh T và chị H thống nhất có 04 con chung là:

Nguyễn Thị Huyền T1 – Sinh ngày 06/12/2005

Nguyễn Thị Kim T2 – Sinh ngày 01/3/2009

Nguyễn Thị Lan P – Sinh ngày 10/02/2016

Nguyễn Hoàng C – Sinh ngày 12/6/2018

Cháu T1 đã Thành niên, anh T và chị H đều không có yêu cầu gì. Anh T và chị H thỏa thuận giao cả ba cháu T2, P và C cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Anh T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

- **Về tài sản:** Anh T và chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Án phí:** Anh T thỏa thuận chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), anh T được nhận lại 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) theo **Biên lai số 0001621 ngày 06/3/2026** của Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND khu vực 9 – Thanh Hóa;
- THADS tỉnh Thanh Hóa;
- Đương sự;
- UBND phường Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Đăng Tuấn